TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2019/DS-ST
Ngày: 25 - 9 - 2019
"V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc San.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Lam.
2. Ông Y Míp Niê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Tuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2019/TLST- DS ngày 03 tháng 6 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐST - DS ngày 30 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Chu Thị T (có mặt).
Địa chỉ: Thôn 12, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
2. Bị đơn: Ông Vũ Danh N (Vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn 12, xã P, huyện K, Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16 tháng 5 năm 2019, đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Chu Thị T trình bày:

Tháng 6/2019 bà có đơn khởi kiện đối với Hợp tác xã thanh niên P, yêu cầu trả số tiền mua hàng hóa là 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng). Tuy nhiên sau đó bà xác định số hàng hóa mà bà bán là do ông Vũ Danh N mua sử dụng mục đích cá nhân, vì vậy bà đã có đơn thay đổi nội dung khởi kiện, yêu cầu cá nhân ông Nghiêm trả số tiền 270.000.000đ.

Nội dung việc mua bán hàng hóa cụ thể như sau: Từ tháng 3 đến tháng 6 năm 2018 bà đã 03 lần bán nợ cho ông Vũ Danh N tổng số xi măng là 150 tấn, đơn giá 1.800.000đ/tấn, thành tiền là 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng). Sau khi mua xi măng và hoàn tất công trình thì mặc dù bà đã yêu cầu nhiều lần, ông N cũng đã cam kết trả nợ nhiều lần. Ngày 06/12/2018 ông N cam kết đến tháng 01/2019 sẽ trả đủ tiền. Tuy nhiên đến nay ông N vẫn chưa trả cho bà. Hiện nay bà yêu cầu ông Vũ

Danh N trả cho bà số tiền nợ là 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

- Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Vũ Danh N trình bày:

Ông công nhận từ tháng 3 đến tháng 6 năm 2018 ông có mua nợ 150 tấn xi măng trị giá 270.000.000đ của bà Chu Thị T. Khi mua hàng thì ông ghi biên nhận với tư cách đại diện Hợp tác xã thanh niên P. Tuy nhiên số xi măng này ông mua để sử dụng vào mục đích cá nhân, không liên quan đến Hợp tác xã thanh niên P, nên việc bà T khởi kiện ông là đúng.

Về số tiền nợ: Bà T yêu cầu ông trả 270.000.000đ là không đúng. Sau khi mua hàng thì ông đã trả một số và hiện chỉ còn nợ lại 158.500.000đ.

Số tiền ông đã trả cụ thể như sau: Trước ngày 03/10/2018 trả 01 lần với số tiền 30.000.000đ, từ ngày 03/10/2018 đến trước ngày 28/12/2018 trả thêm 04 lần, cụ thể: Ngày 03/10/2018 trả 25.000.000đ, 01 lần trả 2.000.000đ, 01 lần trả 2.500.000đ, 01 lần trả 10.000.000đ (Không nhớ rõ ngày). Ngày 28/12/2018 trả 45.000.000đ. Tổng số tiền mà ông đã trả là 111.500.000đ. Vì vậy ông chỉ chấp nhận trả số tiền còn nợ là 158.500.000đ.

Tại phần tranh luận, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ và đúng các quy định của bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn tuân thủ nội quy phiên tòa và sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về xác định tư cách tham gia tố tụng trong vụ án.

Tại đơn khởi kiện bà Chu Thị T xác định bị đơn trong vụ án là Hợp tác xã Thanh niên P, người đại diện theo pháp luật là ông Vũ Danh N. Tòa án đã tiến hành triệu tập các thành viên Hợp tác xã Thanh niên P tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, ông Vũ Danh N và các thành viên HTX thanh niên P đều xác định: Việc mua bán tài sản với bà Chu Thị T là thỏa thuận cá nhân của ông Vũ Danh N với bà Chu Thị T, không liên quan đến HTX thanh niên P. Mặt khác, bà Chu Thị T đã có đơn thay đổi nội dung khởi kiện, xác định người bị kiện là cá nhân ông Vũ Danh N. Vì vậy HĐXX xác định bị đơn trong vụ án là ông Vũ Danh N, không có người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn là ông Vũ Danh N vắng mặt và đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ, HĐXX thấy rằng: Giữa bà Chu Thị T với ông Vũ Danh N đã thực hiện giao dịch mua bán tài sản. Do gia đình ông N không trả cho bà T số tiền mua hàng còn nợ nên bà T khởi kiện ông N tại Tòa án. Vì vậy HĐXX xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà T và ông N là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thống nhất được nội dung: Từ tháng 3 đến tháng 6 năm 2018 bà Chu Thị T đã 03 lần bán nợ cho ông Vũ Danh N tổng số xi măng 150 tấn, đơn giá 1.800.000đ/tấn, thành tiền là 270.000.000đ. Các lần mua bán hàng hóa đều có biên nhận nợ của ông N. HĐXX xét thấy giao dịch mua bán hàng hóa giữa các bên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Cho rằng ông N không thanh toán tiền mua hàng nên bà T đã khởi kiện, yêu cầu ông N thanh toán 270.000.000đ. Ông N thừa nhận đã mua nợ hàng hóa của bà T với tổng số tiền 270.000.000đ, nhưng cho rằng đã trả cho bà T 111.500.000đ, chỉ còn nợ 158.500.000đ. HĐXX xét thấy: Ông N cho rằng đã trả được một phần tiền cho bà T, nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh, mặc dù Tòa án đã có yêu cầu. Vì vậy, ý kiến ông N đưa ra là không có căn cứ. Do đó HĐXX xác định ông N còn nợ bà T 270.000.000đ. Theo cam kết của ông N thì khoản nợ này đã quá hạn thanh toán, vì vậy việc bà T khởi kiện yêu cầu ông N trả nợ là hoàn toàn có căn cứ.

[4]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, để đảm bảo quyền lợi cho bên bị vi phạm, HĐXX xét thấy cần áp dụng Điều 430, khoản 3 Điều 434 và khoản 1, khoản 3 Điều 440 của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu của bà Chu Thị T, buộc ông Vũ Danh N phải trả cho bà Chu Thị T số tiền 270.000.000đ.

[5]. Về nghĩa vụ chịu án phí: Ông Vũ Danh N là người có lỗi và phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền, nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 5% trên tổng số tiền phải thực hiện nghĩa vụ, số tiền án phí phải chịu là: 270.000.000đ x 5% = 13.500.000đ.

Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên bà T được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147 và Điều 271, khoản 2 Điều 227của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430, khoản 3 Điều 434 và khoản 1, khoản 3 Điều 440 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị T.

1. Buộc ông Vũ Danh N phải trả cho bà Chu Thị T số tiền 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng chẵn).

Áp dụng khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với khoản tiền phải thi hành khi có đơn yêu cầu thi hành án.

2. Về án phí: Ông Vũ Danh N phải nộp 13.500.000đ (Mười ba triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho bà Chu Thị T 6.750.000đ (Sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai số AA/2017/0014835 ngày 23/5/2019.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 là ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND huyện Krông Năng;*
- *Chi cục THADS huyện Krông Năng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Bùi Ngọc San